

BÁO CÁO
ĐÁNH GIÁ DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG NHÂN CÔNG XÂY DỰNG
6 THÁNG ĐẦU NĂM 2025

I. Tổng quan về tình hình kinh tế 6 tháng đầu năm 2025

Sáu tháng đầu năm 2025, thế giới đón nhận những chính sách về kinh tế khó lường của Mỹ, đặc biệt là chính sách về thuế quan cùng với tình hình chính trị bất ổn ở một số khu vực đã tác động tiêu cực đến sự tăng trưởng kinh tế toàn cầu.

Tại Việt Nam, với quyết tâm cao độ để phát triển kinh tế xã hội, Chính phủ đã chỉ đạo quyết liệt các Bộ, ban, ngành, địa phương nỗ lực thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp nhằm đạt mục tiêu đề ra.

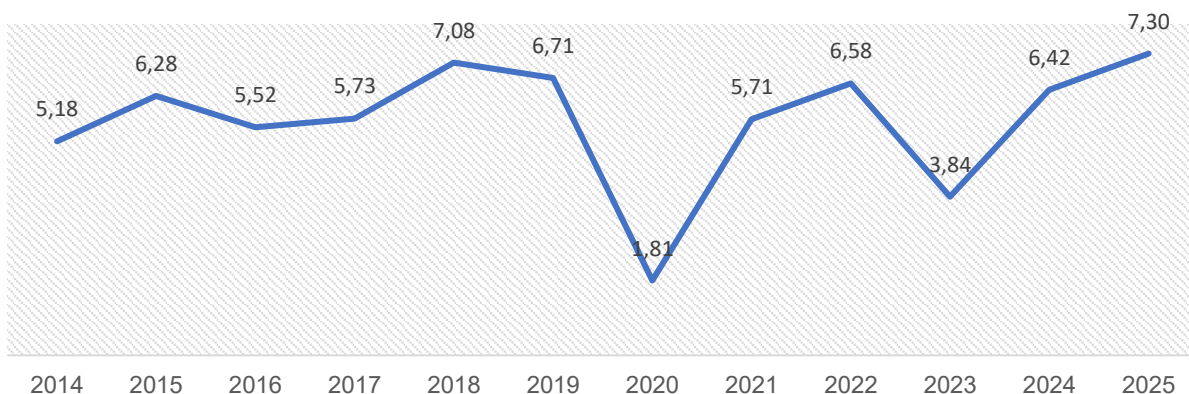
Quý I/2025, kinh tế xã hội Việt Nam đã đạt được những kết quả tích cực trong bối cảnh nền kinh tế chính trị thế giới còn nhiều bất ổn, phức tạp.

Tổng sản phẩm trong nước (GDP) quý II/2025 tăng 7,7% so với cùng kỳ năm trước, đạt mức tăng cao nhất so với cùng kỳ các năm giai đoạn 2020-2025. Trong đó khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 7,42%, đóng góp 40,17%. Riêng khu vực xây dựng có mức tăng trưởng ước khoảng 7,99% so với cùng kỳ năm ngoái, cao hơn mức bình quân của toàn nền kinh tế, tiếp tục đóng góp phần quan trọng vào tăng trưởng kinh tế của đất nước.

Ước tính 6 tháng đầu năm, GDP của toàn nền kinh tế tăng ước 7,3% so với cùng kỳ năm trước, là mức tăng cao tính trong giai đoạn 2014-2025, chỉ thấp hơn mức tăng năm 2018. Khu vực xây dựng có mức tăng trưởng ước khoảng 7,8% so với cùng kỳ năm ngoái, khẳng định đóng góp quan trọng của lĩnh vực xây dựng đối với nền kinh tế cả nước.

Hình 1-1. Biểu đồ tăng trưởng GDP 6 tháng đầu năm giai đoạn 2014-2025 (%)^{1/}

Đơn vị tính: %

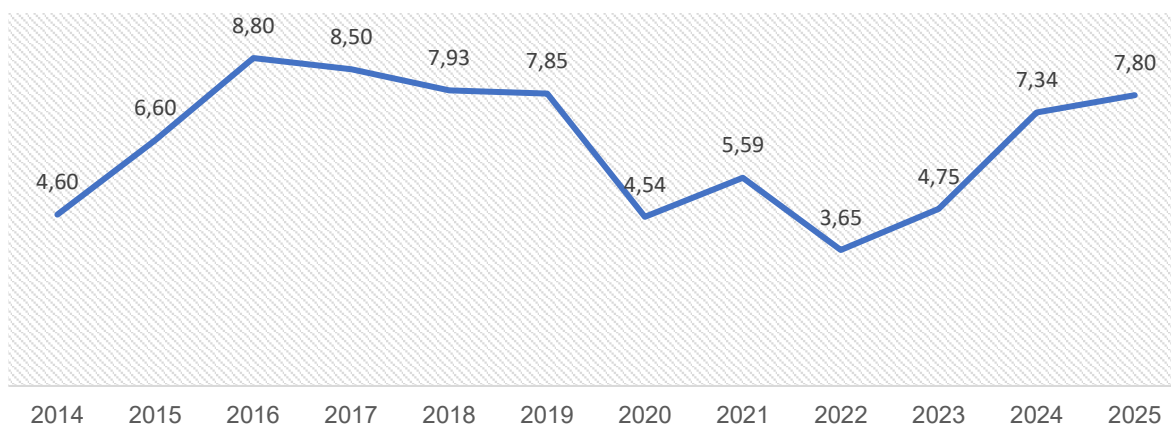


Hình 1-2. Tốc độ tăng trưởng ngành xây dựng 6 tháng đầu năm giai đoạn 2014-2025 (%)^{2/}

1- Nguồn: Cục Thống kê

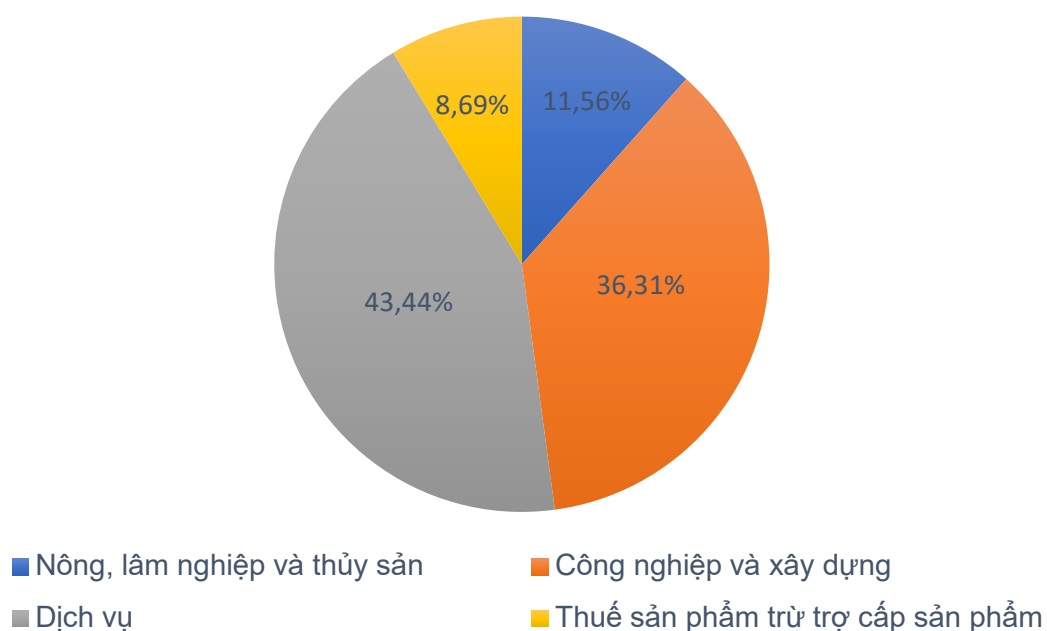
2- Nguồn: Cục Thống kê

Đơn vị tính: %



Về cơ cấu nền kinh tế 6 tháng đầu năm 2025, ước tính khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản chiếm tỷ trọng 11,56%; khu vực công nghiệp và xây dựng chiếm 36,31%; khu vực dịch vụ chiếm 43,44%; thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm chiếm 8,69%. Nhìn chung cơ cấu nền kinh tế 6 tháng đầu năm không có sự biến động lớn so với cùng kỳ năm trước.^[3]

Hình 1-3. Cơ cấu nền kinh tế 6 tháng đầu năm 2025

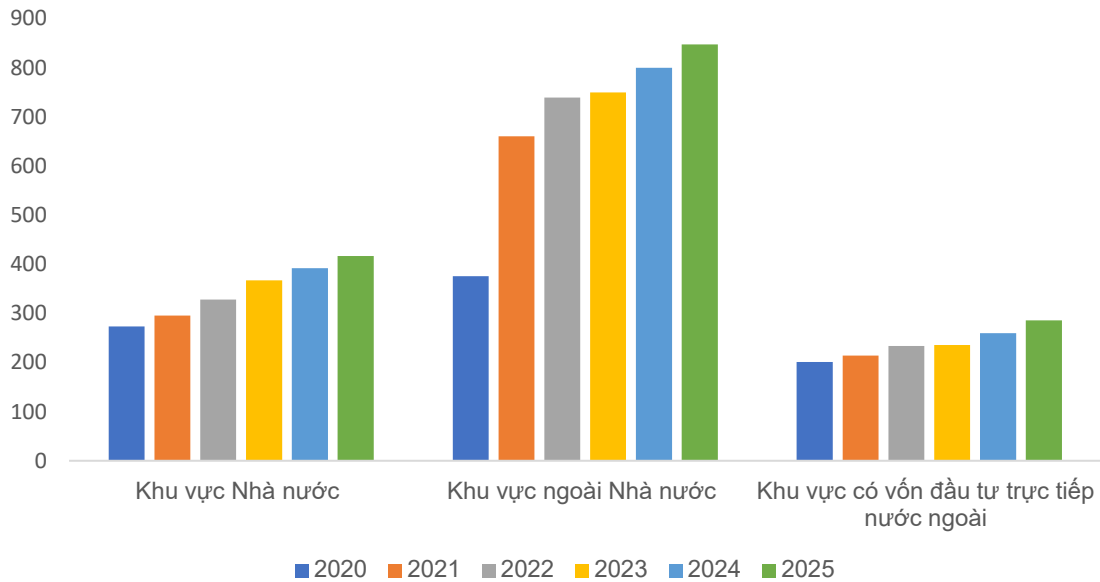


Sáu tháng đầu năm, giá trị tăng thêm khu vực công nghiệp và xây dựng ước tăng 7,55% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó ngành xây dựng tăng 7,80%, đây là mức tăng cao nhất so với cùng kỳ các năm trong giai đoạn 2020-2025, đóng góp 0,48 điểm phần trăm vào tốc độ tăng tổng giá trị tăng thêm toàn nền kinh tế. Ngành xây dựng vẫn duy trì mức tăng trưởng khá nhờ quá trình công nghiệp hóa và đô thị hóa diễn ra mạnh mẽ ở nước ta.

3- Nguồn: Cục Thống kê

Vốn đầu tư thực hiện toàn xã hội theo giá hiện hành sáu tháng đầu năm ước đạt 1.559,14 nghìn tỷ đồng, tăng 7,43% so với cùng kỳ năm trước, bao gồm: Vốn khu vực Nhà nước đạt 416,41 nghìn tỷ đồng, chiếm 26,7% tổng vốn và tăng 6,2% so với cùng kỳ năm trước; khu vực ngoài Nhà nước đạt 847,17 nghìn tỷ đồng, chiếm 54,98% và tăng 7,2%; khu vực có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài đạt 285,56 nghìn tỷ đồng, chiếm 18,32% và tăng 10,0%.

Hình 1-4. Vốn đầu tư thực hiện toàn xã hội 6 tháng đầu năm các năm 2020-2025 ^{4/}



Trong 6 tháng đầu năm, tổng cầu đầu tư của nền kinh tế có tín hiệu tích cực hơn so với cùng kỳ năm 2024. Nền kinh tế tiếp tục phục hồi và ổn định phát triển, lạm phát trong tầm kiểm soát tạo động lực thúc đẩy phát triển kinh tế, là cơ sở thực hiện thành công mục tiêu tăng trưởng và kiểm soát lạm phát cả năm 2025.

Năm 2025, đánh dấu tiến trình mới của ngành xây dựng, khi thực hiện chỉ đạo của Đảng và Chính phủ, khi tiến hành hợp nhất Bộ Xây dựng và Bộ Giao thông vận tải. Việc hợp nhất phù hợp với tiến trình đổi mới, Bộ Xây dựng (mới) sẽ quản lý chung về lĩnh vực xây dựng bao gồm các dự án, công trình giao thông, đảm bảo mối liên hệ chặt chẽ và đồng bộ giữa hạ tầng giao thông và đô thị. Việc hợp nhất này cũng sẽ mang đến nhiều điểm tích cực khác như: thống nhất quản lý về một đầu mối, tạo điều kiện cho các dự án giao thông trọng điểm và các dự án quan trọng khác sớm được triển khai theo kế hoạch, đẩy nhanh tiến độ, đảm bảo chất lượng. Đồng thời giảm một số thủ tục hành chính cho doanh nghiệp, tiết kiệm thời gian và chi phí cho doanh nghiệp.

4- Nguồn: Cục Thống kê

Tại Việt Nam, đầu tư công luôn là yếu tố quan trọng thúc đẩy việc tăng trưởng của nền kinh tế trong giai đoạn hiện tại và tương lai.

Ngay từ đầu năm 2025, Chính phủ đã ban hành nghị quyết số 01/NQ-CP, yêu cầu quyết liệt và kịp thời đẩy mạnh tiến độ giải ngân vốn đầu tư công từ những tháng đầu năm 2025, trong đó đặc biệt chú trọng các dự án trọng điểm quốc gia, với kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước năm 2025 với tổng số gần 829,4 nghìn tỷ đồng. Tính đến 30/4/2025, giải ngân cả nước ước đạt 128,5 nghìn tỷ đồng, đạt 15,56% đến hết tháng 5, ước giải ngân mới đạt 199,3 nghìn tỷ đồng chiếm 24,1% kế hoạch Thủ tướng Chính phủ giao. Như vậy các tháng về sau, các Bộ, Ban ngành và địa phương cần đẩy mạnh tiến độ giải ngân vốn đầu tư công để đạt được kế hoạch Thủ tướng giao. Thông thường các tháng cuối năm là thời điểm tỷ lệ giải ngân vốn đầu tư công đạt mức cao nhất.

Nhiều dự án trọng điểm quốc gia được tiếp tục triển khai. Nhiều dự án trọng điểm, quan trọng về hạ tầng giao thông như đường cao tốc, đường sắt tốc độ cao, sân bay, cảng biển hay các dự án hạ tầng giáo dục, y tế, xã hội... được chú trọng và tập trung triển khai.

Trong năm 2025, Bộ Xây dựng dự kiến khởi công 19 dự án quan trọng, đến nay đã khởi công 7/19 dự án đã được khởi công, đó là: Mở rộng đường bộ cao tốc đoạn Cao Bồ - Mai Sơn; Tuyến nối cao tốc Nội Bài - Lào Cai với cao tốc Tuyên Quang - Phú Thọ; Cầu đường sắt Cẩm Lý tuyến đường sắt Kép - Hạ Long; Nâng cấp, mở rộng một số cầu, hầm trên quốc lộ 1 (các cầu Xương Giang, Gianh, Quán Hàu và hầm Đèo Ngang); Tuyến Chợ Mới - Bắc Kạn và dự án nâng cấp QL46 đoạn TP Vinh - TT.Nam Đàn; Dự án mở rộng cao tốc đoạn La Sơn - Hòa Liên. Các dự án còn lại nằm trong kế hoạch khởi công năm 2025. Trong năm 2025, Bộ Xây dựng và các địa phương quyết tâm hoàn thành đưa vào khai thác 3.000km đường cao tốc theo chỉ đạo của Chính phủ. Về hạ tầng hàng không, nhiều dự án quan trọng như Cảng hàng không quốc tế Long Thành, mở rộng sân bay Tân Sơn Nhất, Nội Bài... tiếp tục được triển khai với tinh thần quyết liệt, khẩn trương, các dự án nhà ga T2 Đồng Hới, mở rộng Cảng hàng không Cà Mau được khởi công, Dự án Nhà ga hành khách T3 Cảng hàng không quốc tế Tân Sơn Nhất đã hoàn thành để đưa vào khai thác vận hành.

Ở các địa phương, các dự án hạ tầng giao thông, dự án trọng điểm được đồng loạt khởi công. Tại Hà Nội khởi công xây dựng Cầu Tứ Liên bắc qua sông Hồng và sông Đuống; tái khởi động dự án Đường vành đai 2,5 đoạn Đàm Hồng - Quốc lộ 1A; tiếp tục thực hiện dự án Dự án đường vành đai 4 - Vùng Thủ đô Hà Nội; Dự án đường Vành đai 1, đoạn Hoàng Cầu - Voi Phục; Dự án cải tạo, nâng cấp Quốc lộ 6 đoạn Ba La - Xuân Mai; Dự án tuyến đường cao tốc Đại Lộ Thăng Long, đoạn nối từ Quốc lộ 21 đến cao tốc Hà Nội - Hòa Bình; Dự án hệ thống xử lý nước thải Yên Xá - Thành phố Hà Nội.

Tại thành phố Hồ Chí Minh khởi công hạng mục lấn biển thuộc dự án Khu đô thị du lịch lấn biển Cần Giờ, huyện Cần Giờ; khởi công dự án Vành đai 2 thành phố Hồ Chí Minh (gói thầu di dời hạ tầng kỹ thuật và rà phá bom mìn); Dự án thành phần 1, 2 thuộc tuyến vành Đai II Thành phố Hồ Chí Minh; Cầu đi bộ qua sông Sài Gòn; Nạo vét, cải tạo môi trường, xây dựng hạ tầng rạch Xuyên Tâm... và hàng loạt dự án sẽ dự kiến khởi công trong năm 2025.

Một số dự án có vai trò quan trọng trong phát triển kinh tế - xã hội đã khởi công năm 2025 trên cả nước như: Đường bộ cao tốc Ninh Bình - Hải Phòng; Dự án mở rộng sân đỗ máy bay - Cảng Hàng không quốc tế Cát Bi (giai đoạn 2); Dự án đầu tư xây dựng Khu đô thị mới tại quận Dương Kinh và huyện Kiến Thụy, thành phố Hải Phòng; Dự án xây dựng Khu nhà ở xã hội tại phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng; Dự án đầu tư xây dựng Đại học Thái Nguyên bước III; Bệnh viện Đa khoa Cà Mau; Dự án kết cấu hạ tầng khu công nghiệp Trần Đề, Sóc Trăng; Dự án Khu công nghiệp Hưng Phú, huyện Tiên Hải, tỉnh Thái Bình và một số khu nhà ở xã hội, tái định cư tại các tỉnh Vĩnh Phúc, Hà Nam, Long An, Vĩnh Long, Đồng Nai ...

Trong các tháng đầu năm 2025, thị trường bất động sản khu công nghiệp bước vào giai đoạn phát triển mới, trở thành điểm sáng trong bối cảnh thị trường bất động sản nhà ở còn nhiều thách thức, dòng vốn FDI tăng trưởng ổn định, làn sóng dịch chuyển sản xuất toàn cầu góp phần thúc đẩy sự tăng trưởng lĩnh vực này. Việc Việt Nam có vị trí địa lý thuận lợi, nguồn nhân lực trẻ, dồi dào, nền chính trị ổn định, môi trường đầu tư ngày càng minh bạch, hạ tầng giao thông và hạ tầng khu công nghiệp ngày càng hoàn thiện là yếu tố quan trọng thu hút đầu tư nước ngoài.

Với tốc độ phục hồi và tăng trưởng GDP mạnh mẽ ước đạt 7,30% trong 6 tháng đầu năm cùng với các bộ Luật Nhà ở, Luật Kinh doanh Bất động sản, Luật Đất đai được sửa đổi, các dự án hạ tầng giao thông đưa vào sử dụng sẽ là góp phần cho sự tăng trưởng của lĩnh vực bất động sản. Ngoài ra, vốn FDI dự kiến tiếp tục rót vào các khu công nghiệp sẽ làm tăng nhu cầu về nhà ở cho công nhân.

Hoạt động xây dựng 6 tháng đầu năm 2025 vẫn tương đối sôi động. Đầu tư công trong lĩnh vực xây dựng hạ tầng giao thông vẫn luôn là yếu tố quan trọng hỗ trợ tăng trưởng kinh tế nói chung và tăng trưởng lĩnh vực xây dựng nói riêng. Việc đẩy nhanh tiến độ và tốc độ giải ngân vốn đầu tư công các dự án xây dựng hạ tầng giao thông tác động tích cực đến việc tăng trưởng của nền kinh tế, đến việc tăng trưởng lĩnh vực xây dựng, đến thị trường nhân công xây dựng.

II. Diễn biến thị trường lao động ngành xây dựng 6 tháng đầu năm 2025

Việt Nam vẫn đang trong giai đoạn phát triển, vì vậy quá trình công nghiệp hóa và đô thị hóa diễn ra mạnh mẽ, do vậy ngành xây dựng vẫn tiếp tục duy trì mức tăng trưởng tốt, là lĩnh vực đóng góp nhiều vào sự tăng trưởng chung của nền kinh tế.

Ngành xây dựng vẫn đang trong xu hướng phục hồi và có những chuyển biến tích cực so với giai đoạn trầm lắng, tuy nhiên có sự phân hóa và tập trung vào một số doanh nghiệp lớn. Việc các doanh nghiệp xây dựng mở rộng ngành nghề là một xu thế đang diễn ra, nhiều doanh nghiệp mở rộng sang lĩnh vực xây dựng công nghiệp, hoặc các doanh nghiệp dân dụng mở rộng sang lĩnh vực hạ tầng giao thông, giúp họ có thêm nhiều cơ hội việc làm trong tương lai.

Từ đầu năm 2025, tình hình lao động việc làm vẫn đang trong xu hướng phục hồi, nhu cầu tuyển dụng lao động nói chung của các doanh nghiệp tăng lên so với cùng kỳ năm trước.

Bảng 2-1. Tình hình lao động 6 tháng đầu năm 2025 so với cùng kỳ năm trước ^{1/5}

STT	Nội dung	Đơn vị tính	6 tháng đầu năm 2024	6 tháng đầu năm 2025
1	Số lao động từ 15 tuổi trở lên	triệu người	52,87	53,10
2	Số lao động có việc làm	triệu người	51,29	51,50
3	Thu nhập bình quân tháng của người lao động	triệu đồng	8,16	8,30
4	Tỷ lệ thất nghiệp	%	2,23	2,20
5	Tỷ lệ thiếu việc làm trong độ tuổi lao động	%	2,02	1,99

Theo số liệu tại Bảng 2-1, lực lượng lao động từ 15 tuổi trở lên trong 6 tháng đầu năm 2025 so với cùng kỳ năm trước tăng không đáng kể là 0,44% tương ứng tăng khoảng 230 nghìn người; số lao động có việc làm là 51,5 triệu người tăng khoảng 0,42% tương ứng tăng 214 nghìn người; thu nhập bình quân tháng của người lao động tăng rất ít là 1,72% tương ứng tăng khoảng 140 nghìn đồng so với cùng kỳ năm 2024; tỷ lệ thất nghiệp giảm 0,03 điểm phần trăm và tỷ lệ thiếu việc làm trong độ tuổi lao động là giảm 0,03 điểm phần trăm so với cùng kỳ năm 2024.

Ngày 02/4/2025, Hoa Kỳ áp dụng thuế xuất đối ứng mới gây ra những tác động tiêu cực đến các ngành nghề xuất khẩu, ảnh hưởng đến thị trường lao động nói chung, gián tiếp ảnh hưởng đến thị trường lao động xây dựng.

5- Nguồn: Cục Thống kê

Tỷ lệ lao động có việc làm phi chính thức làm các công việc có tính chất thiếu tính ổn định, với thu nhập thấp vẫn chiếm tỷ lệ tương đối cao khoảng 64,3%.

Các tháng đầu năm 2025 ghi nhận sự chuyển dịch cơ cấu lao động từ khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản sang khu vực công nghiệp và xây dựng, khu vực dịch vụ.

2.1. Lực lượng lao động ngành xây dựng và chất lượng

Mặc dù từ đầu năm 2025, tình hình lao động việc làm trong xu hướng phục hồi nhưng chất lượng lao động vẫn còn chưa đáp ứng với nhu cầu của thị trường. Lao động ngành xây dựng không là ngoại lệ. Việt Nam có nguồn lao động dồi dào và trẻ là một lợi thế lớn. Tuy nhiên chúng ta chưa thực sự chú trọng và có những biện pháp hữu ích nhằm nâng cao chất lượng lao động. Nhìn chung, thị trường lao động ngành xây dựng cho đến nay chưa có sự cải thiện đáng kể về chất lượng lao động, lao động có tay nghề và kỹ năng còn thiếu hụt, chưa có tác phong chuyên nghiệp, còn tùy tiện về thời gian, thiếu một số kỹ năng mềm, phần lớn lao động ngành xây dựng là lao phổ thông chưa qua bất kỳ trường lớp đào tạo, nên chất lượng công việc phần lớn chưa đáp ứng yêu cầu, năng suất lao động còn thấp.

2.1.1. Lực lượng lao động phân theo giới tính và theo khu vực ^{16/}

Các tháng đầu năm 2025, lĩnh vực xây dựng đã có những dấu hiệu tích cực, giá trị tăng thêm ngành xây dựng ngành xây dựng tăng 7,80% so với cùng kỳ năm ngoái. Thị trường lao động ngành xây dựng hoạt động tương đối tích cực, đặc biệt ở lĩnh vực xây dựng hạ tầng giao thông.

Bảng 2-2. Lực lượng lao động trực tiếp ngành xây dựng

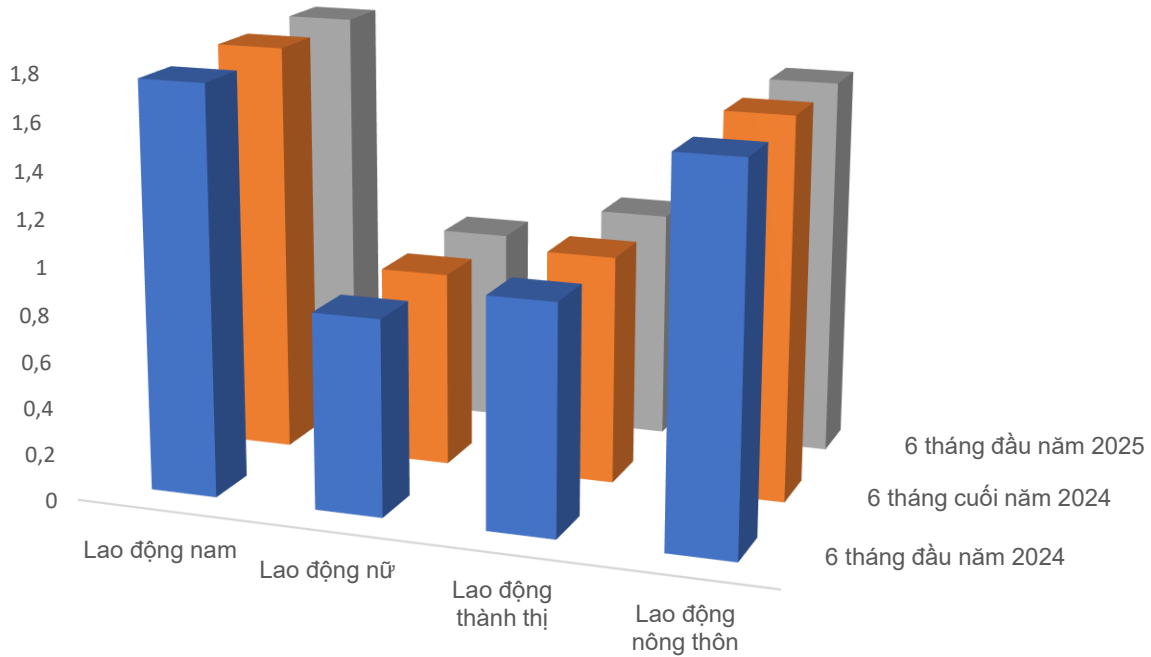
Đơn vị tính: triệu người

Nội dung	6 tháng đầu năm 2024	6 tháng cuối năm 2024	6 tháng đầu năm 2025
Lực lượng lao động ngành xây dựng:	2,59	2,61	2,62
- Nam	1,75	1,77	1,78
- Nữ	0,84	0,84	0,84
- Thành thị	0,98	0,98	0,99
- Nông thôn	1,61	1,63	1,63

Hình 2-1. Biểu đồ lực lượng lao động ngành xây dựng phân theo giới tính và khu vực

Đơn vị tính: triệu người

6- Nguồn: Cục Thống kê



Nhìn chung cơ cấu lực lượng lao động trực tiếp ngành xây dựng phân theo giới tính và khu vực không có nhiều biến động so với cùng kỳ năm 2024.

2.1.2. Chất lượng lao động ngành xây dựng

Lực lượng lao động đóng vai trò vô cùng quan trọng trong các ngành sản xuất, nhưng ngành xây dựng chưa thu hút được lao động do những đặc thù của ngành xây dựng như: nặng nhọc, độc hại, không ổn định, sản phẩm xây dựng thì cố định còn con người thì lưu động, hơn nữa thu nhập của công nhân xây dựng còn thấp so với mức chung của toàn xã hội. Một số các doanh nghiệp lớn mạnh có duy trì lao động có hợp đồng, được đào tạo chuyên nghiệp, tuy nhiên phần lớn các doanh nghiệp xây dựng không có đội ngũ lao động chuyên nghiệp mà thuê theo thời vụ khi có việc làm để tính toán đến hiệu quả. Điều này sẽ ảnh hưởng lớn đến chất lượng lao động ngành xây dựng.

Thời gian qua, chất lượng lao động ngành xây dựng có được cải thiện, tuy nhiên vẫn chưa đáp ứng yêu cầu về chất lượng ngày càng cao. Vì vậy việc nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, mở rộng cơ hội đào tạo là vấn đề cấp thiết trong lĩnh vực xây dựng.

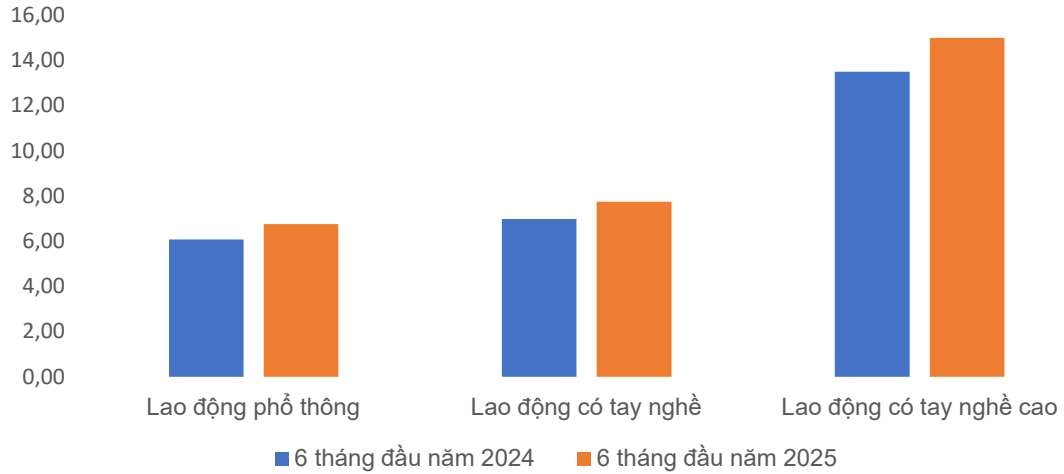
2.2. Thu nhập bình quân của người lao động ngành xây dựng

Thu nhập bình quân của người lao động 6 tháng đầu năm 2025 ước khoảng 8,3 triệu đồng/tháng, tăng 140 nghìn đồng so với cùng kỳ năm 2024.

Thu nhập của lao động trực tiếp ngành xây dựng vẫn nằm trong khoảng trung bình so với các ngành nghề khác xếp thứ 13/18, ước khoảng 7,4 -8,0 triệu đồng/tháng.

Hình 2-2. Thu nhập bình quân của người lao động ngành xây dựng 6 tháng đầu năm 2025 so với cùng kỳ năm trước ^[7]

Đơn vị tính: triệu đồng/ tháng



Theo số liệu điều tra của nhóm khảo sát, thì thu nhập bình quân của công nhân ngành xây dựng thì lao động phổ thông có thu nhập bình quân khoảng 6,5 - 7,0 triệu đồng/tháng. Lao động có tay nghề thu nhập bình quân khoảng 7,5 - 8,0 triệu đồng/tháng. Thợ có tay nghề cao thu nhập khoảng 13 - 17 triệu đồng/tháng, tăng khoảng 8,0% - 10% so với cùng kỳ năm 2024.

2.3. Đánh giá về thị trường nhân công xây dựng 6 tháng đầu năm 2025

Nền kinh tế qua Việt Nam các tháng đầu năm 2025 đang trên đà phục hồi, lạm phát trong tầm kiểm soát tạo động lực thúc đẩy phát triển kinh tế, là cơ sở thực hiện thành công mục tiêu tăng trưởng và kiểm soát lạm phát cả năm 2025. Các doanh nghiệp xây dựng đứng trước cơ hội lớn do đầu tư công được đẩy mạnh, thị trường bất động sản có nhiều tín hiệu tích cực, hệ thống văn bản quy phạm pháp luật ngày càng hoàn thiện.

Trong 6 tháng đầu năm 2025, giá trị tăng thêm ngành xây dựng là 7,80%, đóng góp lớn vào sự tăng trưởng chung của nền kinh tế. Đầu tư công luôn là động lực quan trọng thúc đẩy tăng trưởng của nền kinh tế.

Nhiều dự án trọng điểm quốc gia đã được khởi công, nguồn vốn FDI ổn định, hoạt động sản xuất ngành xây dựng tăng trưởng ảnh hưởng tích cực đến thị trường lao động ngành xây dựng. Trong đó, lĩnh vực hạ tầng giao thông vẫn là khu vực hoạt động sôi động nhất. Năm 2025 cũng có sự chuyển dịch cơ cấu lao động từ lĩnh vực nông, lâm nghiệp, thủy sản sang lĩnh vực xây dựng. Một số doanh nghiệp xây dựng dân dụng mở rộng ngành nghề sang lĩnh vực hạ tầng giao thông và xây dựng công nghiệp.

7- Nguồn: Số liệu khảo sát của Viện Kinh tế xây dựng

Thị trường lao động ngành xây dựng vẫn có sự thiếu hụt nhất định về lực lượng lao động, đặc biệt là thiếu hụt lao động chất lượng cao.

III. Một số thông tin về thị trường lao động và một số chính sách có liên quan đến tình hình thị trường lao động ngành xây dựng 6 tháng đầu 2025

Ngày 30/6/2024, Chính phủ đã có Nghị định số 74/2024/NĐ-CP về quy định mức lương tối thiểu đối với người lao động làm việc theo hợp đồng lao động với điều chỉnh mức lương tối thiểu vùng tăng bình quân 6% so với Nghị định 38/2022/NĐ-CP.

Ngày 22/01/2025 Bộ Xây dựng đã có Thông tư số 01/2025/TT-BXD sửa đổi một số điều của Thông tư số 13/2021/TT-BXD, đã không còn công bố khung đơn giá nhân công xây dựng bình quân để các địa phương tham khảo. Đây là việc làm cần thiết phù hợp với cơ chế quản lý đơn giá nhân công xây dựng, phù hợp với cơ chế thị trường cũng như tạo cơ chế để địa phương chủ động công bố đơn giá nhân công trên cơ sở mặt bằng giá nhân công xây dựng, các yếu tố ảnh hưởng và điều kiện cụ thể tại từng địa phương.

Các tháng đầu năm 2025 một số địa phương tiếp tục thực hiện công bố đơn giá nhân công xây dựng theo hướng dẫn tại Thông tư số 13/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 và Thông tư số 01/2025/TT-BXD.

3.1. Một số chính sách, văn bản về lao động, tiền lương nhân công xây dựng

Cho đến nay, từ khi Thông tư số 13/2021/TT-BXD có hiệu lực thi hành cùng với Thông tư số 01/2025/TT-BXD (có hiệu lực thi hành từ ngày 8/3/2025) sửa đổi một số điều của Thông tư số 13/2021/TT-BXD, đã có 63/63 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có các văn bản hướng dẫn công bố đơn giá nhân công theo hướng dẫn tại Phụ lục IV Thông tư 13/2021/TT-BXD và Thông tư số 01/2025/TT-BXD.

3.2. Giá nhân công xây dựng tính theo đơn vị sản phẩm và trình độ tay nghề trên thị trường lao động 6 tháng đầu năm 2025

3.2.1. Giá nhân công xây dựng tính theo đơn vị sản phẩm trên thị trường lao động ở các khu vực kinh tế trọng điểm ^{18/}

Bảng 3-1. Giá nhân công xây dựng tính theo đơn vị sản phẩm

Đơn vị tính: 1.000 đồng

STT	Nhân công thực hiện công tác	Đơn vị	Đơn giá			Ghi chú
			Khu vực miền Bắc	Khu vực miền Nam	Khu vực miền Trung	
			Hà Nội	TP. HCM	Đà Nẵng	
I	NHÓM CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG					
1.1	Đào, đắp đất thủ công	m ³	470-580	470-590	420-530	

8- Nguồn: Số liệu khảo sát của Viện Kinh tế xây dựng

STT	Nhân công thực hiện công tác	Đơn vị	Đơn giá			Ghi chú
			Khu vực miền Bắc	Khu vực miền Nam	Khu vực miền Trung	
			Hà Nội	TP. HCM	Đà Nẵng	
1.2	Rải BTN mặt đường	100m ²	1.000-1.200	1.000-1.200	900-1.100	
1.3	Tưới nhựa mặt đường	100m ²	100-130	100-135	90-120	
1.4	Cốt thép cầu, cống, hầm chui, tường chắn, gờ lan can	kg	1,7-4,0	1,7-4,0	1,5-3,7	
1.5	Cốt thép móng, trụ cầu	kg	4,1-7,1	4,1-7,1	3,7-6,5	
1.6	Cốt thép cọc khoan nhồi	kg	5,0-7,4	5,0-7,5	4,5-6,8	
1.7	Ván khuôn thép	m ²	58-140	58-150	53-130	
1.8	Bê tông dầm cầu, móng, trụ cầu	m ³	720-1.100	720-1.100	650-1.000	
1.9	Bê tông cọc nhồi	m ³	330-460	330-460	300-420	
1.10	Lắp đặt cáp thép dự ứng lực dầm cầu	kg	10,2-14,2	10,2-14,5	9,2-13,0	
II	NHÓM CÔNG TRÌNH DẪN DỰNG					
2.1	Xây tường 220mm	m ³	640-670	750-850	560-650	
2.2	Xây tường 110mm	m ³	750	900	660-720	
2.3	Xây gạch không nung	m ³	660	650	590	
2.4	Trát tường trong nhà	m ²	100	100	85	
2.5	Trát trần, dầm, cột	m ²	95	100	85	
2.6	Trát tường ngoài nhà không trừ cửa sổ và các lỗ	m ²	110	120	90	Chưa bao gồm nhân công tháo, lắp dàn giáo
2.7	Công tác tháo lắp dàn giáo	m ²	25	30	22	
2.8	Công tác ốp, lát gạch đá	m ²	100-130	100-135	85-100	
2.9	Công tác ván khuôn	m ²	95	100	90	
2.10	Công tác điện, nước	m ²	170	170	140	
2.11	Công tác sơn	m ²	25	27	20	

Qua số liệu khảo sát mà nhóm khảo sát thực tế thu thập giá nhân công bình quân cho một đơn vị sản phẩm tại các khu vực kinh tế trọng điểm tăng so với cùng kỳ năm 2024 khoảng 7% - 8%.

3.2.2. Giá nhân công xây dựng theo trình độ tay nghề qua khảo sát trên thị trường lao động ở một số địa phương ^[9]

Bảng 3-2. Giá ngày công của nhân công xây dựng theo trình độ tay nghề

Đơn vị tính: 1.000 đồng/ ngày công

STT	Trình độ tay nghề	Giá ngày công		
		Khu vực miền Bắc	Khu vực miền Nam	Khu vực miền Trung
		Hà Nội	TP. HCM	Đà Nẵng
I	NHÓM CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG			
1.1	Nhân công có tay nghề thấp	310-330	330-350	300-320
1.2	Nhân công có tay nghề trung bình	390-420	410-440	340-380
1.3	Nhân công có tay nghề cao	470-510	500-540	430-470
II	NHÓM CÔNG TRÌNH DÂN DỤNG			
2.1	Nhân công có tay nghề thấp	310-330	330-350	300-320
2.2	Nhân công có tay nghề trung bình	380-420	410-430	330-370
2.3	Nhân công có tay nghề cao	460-500	490-530	430-450

Theo số liệu khảo sát mà nhóm khảo sát điều tra thu thập được, đơn giá ngày công trả cho người lao động tăng so với cùng kỳ năm 2024 khoảng 7% - 8%.

3.3. Về đơn giá nhân công các địa phương theo công bố và mức lương tối thiểu quy định tại Nghị định số 74/2024/NĐ-CP

Cho tới thời điểm hiện tại, 62/63 địa phương đã công bố đơn giá nhân công trên cơ sở khảo sát giá nhân công thị trường, duy nhất TP Cần Thơ đến nay vẫn đang tạm thời tiếp tục sử dụng công bố từ năm 2021 (không tổ chức khảo sát đơn giá nhân công mà sử dụng phương pháp hướng dẫn chuyển đổi nhóm nhân công từ 11 nhóm sang 04 nhóm để công bố thực hiện).

Từ khi Thông tư số 01/2025/TT-BXD ngày 22/01/2025 của Bộ Xây dựng sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 13/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021, Thông tư số 11/2021/TT-BXD, Thông tư số 14/2023/TT-BXD có hiệu lực thi hành từ ngày 08/3/2025, đã có 2 địa phương công bố đơn giá nhân công là Thanh Hóa và Thừa Thiên - Huế với mức tăng bình quân lần lượt so với công bố trước đó là khoảng 8,8% và 4,0%.

9- Nguồn: Số liệu khảo sát của Viện Kinh tế xây dựng

Bảng 3-3. Danh sách các tỉnh, thành phố công bố đơn giá nhân công xây dựng trong 6 tháng đầu năm 2025 ^[10]

STT	Tỉnh, thành phố	Quyết định/ Văn bản công bố nhân công áp dụng cho năm 2025	Mức độ tăng bình quân so với công bố nhân công trước đó (%)
1	Bà Rịa - Vũng Tàu	Quyết định số 56/QĐ-SXD ngày 26/02/2025	11,90
2	Bắc Giang	Quyết định số 04/QĐ-SXD ngày 13/01/2025	0,00
3	Bạc Liêu	Quyết định số 114/QĐ-SXD ngày 31/12/2024	2,58
4	Bắc Ninh	Quyết định số 753/QĐ-UBND ngày 18/12/2024	23,40
5	Bến Tre	Quyết định số 06/QĐ-SXD ngày 10/01/2025	4,60
6	Bình Dương	Quyết định số 325/QĐ-SXD ngày 30/12/2024	0,20
7	Bình Thuận	Quyết định số 334/QĐ-SXD ngày 30/12/2024	3,40
8	Bình Phước	Quyết định số 3581/QĐ-SXD ngày 19/11/2024	11,10
9	Cao Bằng	Quyết định số 15/QĐ-UBND ngày 03/01/2025	5,50
10	Cà Mau	Quyết định số 655/QĐ-SXD ngày 30/12/2024	2,60
11	Cần Thơ	Quyết định số 5122/QĐ-UBND ngày 18/11/2024	0,00
12	Đắk Nông	Văn bản số 2878/SXD-KT&QLXD ngày 20/11/2024	0,00
13	Đà Nẵng	Quyết định số 429/QĐ-SXD ngày 31/12/2024	5,20
14	Đồng Nai	Quyết định số 329/QĐ-SXD ngày 30/12/2024	8,60
15	Đồng Tháp	Quyết định số 388/QĐ-SXD ngày 26/12/2024	1,30
16	Hà Tĩnh	Quyết định số 239/QĐ-SXD ngày 25/12/2024	3,20
17	Hà Nội	Quyết định số 1070/QĐ-SXD ngày 31/12/2024	5,00
18	Hải Dương	Quyết định số 22/SXD-QLN ngày 03/01/2025	6,00

10- Nguồn: Số liệu khảo sát của Viện Kinh tế xây dựng

STT	Tỉnh, thành phố	Quyết định/ Văn bản công bố nhân công áp dụng cho năm 2025	Mức độ tăng bình quân so với công bố nhân công trước đó (%)
19	Hải Phòng	Quyết định số 479/QĐ-SXD ngày 01/11/2024	15,80
20	Hòa Bình	Quyết định số 277/QĐ-SXD ngày 10/12/2024	3,80
21	TP. Hồ Chí Minh	Quyết định số 1491/QĐ-SXD-KTXD ngày 31/12/2024	3,00
22	Hung Yên	Quyết định số 181/QĐ-SXD ngày 19/12/2024	3,70
23	Khánh Hòa	Quyết định số 4456/UBND-XDND ngày 25/11/2024	9,80
24	Kon Tum	Quyết định số 89/SXD-QLXD ngày 10/01/2025	3,00
25	Lai Châu	Quyết định số 129/QĐ-SXD ngày 06/12/2024	0,60
26	Lâm Đồng	Quyết định số 190/QĐ-SXD ngày 26/12/2024	1,00
27	Lạng Sơn	Quyết định số 17/SXD-QLXD ngày 15/01/2025	2,70
28	Long An	Quyết định số 281/QĐ-SXD ngày 18/12/2024	10,40
29	Nam Định	Quyết định số 182/QĐ-SXD ngày 27/12/2024	17,00
30	Ninh Bình	Văn bản số 3406/QĐ-SXD ngày 16/10/2024	3,90
31	Ninh Thuận	Quyết định số 5065/QĐ-SXD ngày 31/12/2024	8,30
32	Quảng Bình	Quyết định số 78/QĐ-SXD ngày 14/01/2025	0,00
33	Quảng Ninh	Quyết định số 4745/QĐ-UBND ngày 15/11/2024	3,80
34	Sóc Trăng	Quyết định số 146/QĐ-SXD ngày 30/12/2024	11,60
35	Son La	Quyết định số 2524/QĐ-SXD ngày 26/11/2024	8,70
36	Tây Ninh	Quyết định số 154/QĐ-SXD ngày 16/12/2024	6,10
37	Trà Vinh	Quyết định số 270/QĐ-SXD ngày 02/12/2024	2,70
38	Thái Bình	Quyết định số 05/QĐ-SXD ngày 14/01/2025	4,50
39	Thái Nguyên	Quyết định số 310/QĐ-SXD ngày 31/12/2024	3,80

STT	Tỉnh, thành phố	Quyết định/ Văn bản công bố nhân công áp dụng cho năm 2025	Mức độ tăng bình quân so với công bố nhân công trước đó (%)
40	Thanh Hóa	Quyết định số 391/QĐ-SXD ngày 14/5/2025	8,80
41	Thừa Thiên Huế	Quyết định số 1176/QĐ-UBND ngày 24/4/2025	4,00
42	Tuyên Quang	Quyết định số 249/QĐ-SXD ngày 25/12/2024	4,30
43	Tiền Giang	Quyết định số 4862/QĐ-SXD ngày 27/12/2024	4,40
44	Vĩnh Phúc	Văn bản số 05/SXD-KTVLXD ngày 09/01/2025	3,80
45	Vĩnh Long	Quyết định số 07/QĐ-SXD ngày 14/01/2025	2,20
46	Yên Bái	Quyết định số 05/QĐ-SXD ngày 14/01/2025	1,80

Theo hướng dẫn của Thông tư số 13/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ Xây dựng, các địa phương đã thường xuyên khảo sát đơn giá nhân công thị trường để công bố phù hợp cho với mặt bằng giá cả của thị trường xây dựng trong khu vực.

Theo như số liệu tính toán của nhóm nghiên cứu thể hiện tại Bảng 3-3, thì đơn giá nhân công xây dựng bình quân công bố của các địa phương năm 2025 tăng so với công bố thời điểm trước đó là không đồng đều. Một số địa phương có mức tăng khá cao như Bắc Ninh và Nam Định lần lượt là 23,4% và 17,0%. Trong đó, Bắc Ninh có mức tăng cao do so sánh với công bố năm 2021, công bố giá nhân công thời điểm trước của Nam Định so với các địa phương lân cận như Ninh Bình, Hà Nam là tương đối thấp. Một số địa phương vẫn giữ nguyên mức công bố nhân công như thời điểm trước đó (như Bắc Giang, Đắk Nông, Quảng Bình), phần lớn các địa phương có mức tăng vào khoảng 3%-10%. Mức tăng của các địa phương không đồng đều, theo đánh giá của chúng tôi có thể do nhiều nguyên nhân: từng địa phương có tình hình tăng trưởng kinh tế khác nhau, nguồn vốn đầu tư công cho đầu tư xây dựng chiếm tỷ trọng khác nhau, mỗi địa phương có những đặc thù riêng về địa hình, địa lý, tập quán, lạm phát, chỉ số giá tiêu dùng, nguồn cung cầu lực lượng lao động, giá nhân công thực tế trên thị trường... nên khi xử lý số liệu khảo sát có ảnh hưởng bởi các yếu tố nói trên.

Phần lớn các địa phương công bố đơn giá nhân công trước khi Bộ Xây dựng hướng dẫn bỏ khung đơn giá nhân công, chỉ có 2 địa phương công bố đơn giá nhân công là Thanh Hóa và Thừa Thiên - Huế sau khi Thông tư 01/2025/TT-BXD có hiệu lực.

Theo các số liệu thực tế thu nhận và theo số liệu của Cục Thống kê - Tài chính, mức tiền lương cũng như thu nhập của lao động trực tiếp ngành xây dựng vẫn ở mức trung bình thấp so với mức bình quân của cả nước, thậm chí thấp hơn so với tiền lương bình quân của những lĩnh vực có tính chất tương đồng như lĩnh vực cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải.

Việc Bộ Xây dựng hướng dẫn về bãi bỏ khung đơn giá nhân công tại Thông tư 01/2025/TT-BXD là cần thiết, kịp thời để các địa phương chủ động, nâng cao trách nhiệm khi công bố đơn giá nhân công cho phù hợp với thực tế thị trường, điều kiện cụ thể của địa phương và lộ trình tăng lương tối thiểu vùng của Chính phủ. Mức tiền lương đầu vào của mỗi địa phương phù hợp với thị trường là nguồn kinh phí dự tính để đảm bảo doanh nghiệp chi trả cho người lao động.

3.4. Đánh giá tác động về việc sáp nhập các tỉnh thành và thực hiện về tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp

Ngày 14/4/2025, Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15 về việc sắp xếp đơn vị hành chính năm 2025 (sắp xếp đơn vị hành chính và tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp) và Quốc hội ban hành Nghị quyết số 202/2025/QH15 ngày 12/6/2025 về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh. Số lượng đơn vị hành chính cấp tỉnh sau sát nhập là 34 tỉnh và thành phố (28 tỉnh và 06 thành phố). Có 11 địa phương không sát nhập, 52 tỉnh, thành phố còn lại sẽ sát nhập thành 23 tỉnh thành phố. Chính quyền địa phương ở các tỉnh, thành phố hình thành sau sắp xếp quy định tại Nghị quyết số 202/2025/QH15 chính thức hoạt động từ ngày 01/7/2025. Việc sáp nhập các đơn vị hành chính có những tác động đến công tác quản lý nhà nước tại địa phương. Vì vậy, công tác quản lý nhà nước về đầu tư xây dựng nói chung và chi phí đầu tư xây dựng nói riêng, đặc biệt là quản lý công bố giá nhân công của các địa phương thời gian tới cũng có những ảnh hưởng nhất định:

Một là, đạt được các mục tiêu như tinh gọn bộ máy, nâng cao hiệu quả quản lý, tiết kiệm ngân sách, thúc đẩy hiệu quả cũng như hiệu suất làm việc của các cơ quan nhà nước, tăng cường khả năng cung cấp dịch vụ công. Tuy nhiên quá trình sáp nhập không chỉ mang lại các lợi ích mà còn đặt ra nhiều thách thức trong công tác quản lý nhà nước. Việc quản lý địa bàn rộng lớn, tăng quy mô dân số, việc thống nhất các quy định, chính sách và sự khác biệt về văn hóa, phong tục giữa các địa phương được sáp nhập sẽ là vấn đề phức tạp trong quản lý. Bên cạnh đó, việc mở rộng quy mô dân số cũng đòi hỏi phải đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng, dịch vụ công tương xứng sẽ có ảnh hưởng nhất định đến việc đầu tư xây dựng của các địa phương.

Hai là, số lượng đơn vị hành chính cấp tỉnh sau sát nhập là 34 tỉnh và thành phố, trong đó có 23 tỉnh thành được sát nhập từ các 2 - 3 tỉnh thành khác nhau. Theo đó, việc khảo sát phân tích, đánh giá để phân lại vùng/khu vực công bố giá nhân công có điều kiện

trương đồng về điều kiện kinh tế xã hội là công việc các địa phương cần thực hiện để đáp ứng yêu cầu quản lý.

Ba là, việc phân chia các vùng công bố giá nhân công trước đây của các địa phương chủ yếu căn cứ vào việc phân vùng lương tối thiểu vùng theo Nghị định số 74/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 của Chính phủ và các Nghị định trước đó với 04 vùng lương được chia theo đơn vị hành chính cấp quận, huyện. Ngày 11/6/2025, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 128/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong quản lý nhà nước lĩnh vực nội vụ. Theo đó, đã ban hành danh mục địa bàn cấp xã áp dụng mức lương tối thiểu gồm 04 vùng phân chia theo đơn vị hành chính cấp xã, phường. Theo đó, việc khảo sát phân tích, đánh giá để phân lại vùng/khu vực theo đơn vị hành chính cấp xã, phường công bố giá nhân công là công việc các địa phương cần thực hiện để đáp ứng yêu cầu quản lý.

Bốn là, sau khi sáp nhập, thành lập chính quyền địa phương mới, thì sẽ tiến hành việc khảo sát, thu thập thông tin giá nhân công để xác định giá nhân công xây dựng trên địa bàn (thời điểm công bố giá nhân công theo năm là trước ngày 15 tháng 01 năm sau) có thể sẽ chưa được các địa phương thực hiện ngay trong sau ngày 01/7/2025. Theo đó, các địa phương cần phải có hướng dẫn cụ thể đối với công bố giá nhân công xây dựng của các tỉnh, thành phố đã công bố trước đó để tiếp tục sử dụng trong việc xác định chi phí xây dựng công trình tại các địa phương (tránh việc gián đoạn) đến khi địa phương công bố bảng giá nhân công xây dựng mới sau sáp nhập.

Năm là, việc không thay đổi giá nhân công xây dựng của các khu vực trong tỉnh, thành phố (trước sáp nhập) thành 01 bảng công bố giá nhân công xây dựng của địa phương sau sáp nhập cũng có thể tạm thời được tiếp tục sử dụng cho đến khi có công bố giá nhân công xây dựng mới nhằm tránh xáo trộn và không làm gián đoạn việc quản lý nhà nước về chi phí đầu tư xây dựng. Tuy nhiên sẽ có những bất cập nhất định do đơn giá nhân công xây dựng tại các địa phương trước sáp nhập có sự chênh lệch. Đơn cử như 03 địa phương sẽ được sáp nhập là TP. Hồ Chí Minh, tỉnh Bình Dương và tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, cùng địa bàn vùng 1 (theo phân vùng của Chính phủ), thì đơn giá nhân công xây dựng bình quân của TP. Hồ Chí Minh và tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu là tương đương nhau, nhưng chỉ bằng khoảng 88% so với tỉnh Bình Dương; hoặc 2 địa phương được sáp nhập là Hải Phòng và Hải Dương thì đơn giá nhân công xây dựng bình quân địa bàn vùng 1 của tỉnh Hải Dương chỉ bằng khoảng 90% so với thành phố Hải Phòng.

IV. Một số nhận xét đánh giá chung

Năm 2025 được đánh giá là thời điểm ngành xây dựng được đặt nhiều kỳ vọng vào sự gia tăng khi Luật Đất đai, Luật Nhà ở và Luật Kinh doanh Bất động sản sửa đổi, tạo hành lang pháp lý thuận lợi cho các dự án bất động sản được triển khai, nhu cầu xây dựng gia tăng.

Việc Bộ Xây dựng và Bộ Giao thông vận tải hợp nhất, sắp xếp tổ chức bộ máy tinh gọn, hiệu quả sẽ giúp giải quyết các thủ tục nhanh chóng, góp phần đẩy nhanh tiến độ các dự án xây dựng.

Riêng trong 5 tháng đầu năm 2025 đầu tư nước ngoài của Việt Nam đạt được những kết quả tích cực. Tổng vốn đầu tư nước ngoài (FDI) đăng ký vào Việt Nam đạt 18,39 tỷ USD, tăng 51,2% so với cùng kỳ năm trước. Đây là một trong các yếu tố quan trọng thúc đẩy lĩnh vực xây dựng hạ tầng khu công nghiệp và thị trường bất động sản khu công nghiệp tăng trưởng.

Trong lĩnh vực xây dựng hạ tầng giao thông, các dự án trọng điểm tiếp tục được triển khai, với mục tiêu hoàn thành 3.000 km đường bộ cao tốc vào năm 2025, các dự án đường bộ, đường sắt, đường thủy, đường hàng không được ưu tiên phát triển. Bộ trưởng Bộ Xây dựng đã yêu cầu, các dự án phải được khởi công, hoàn thành theo đúng tiến độ, bảo đảm chất lượng, giải ngân theo kế hoạch. Bên cạnh nguồn vốn đầu tư công cho các dự án trọng điểm, nguồn vốn tư nhân cũng dần chiếm tỷ trọng đáng kể vào lĩnh vực xây dựng.

Bộ Xây dựng cũng đưa dự báo tăng trưởng ngành xây dựng năm 2025 có thể đạt mức 8,5-9,5%.

Thị trường nhân công xây dựng được hưởng lợi từ những hoạt động sôi nổi trong lĩnh vực xây dựng. Mặc dù năm 2025 có sự chuyển dịch cơ cấu từ lĩnh vực nông, lâm thủy sản chuyển sang xây dựng, tuy nhiên lao động trực tiếp ngành xây dựng vẫn trong tình trạng thiếu hụt lao động, đặc biệt là lao động có tay nghề cao. Ở một số dự án, không hiếm khi chúng ta bắt gặp lao động thời vụ và lao động là người dân tộc thiểu số. Đây cũng là một trong các yếu tố cản trở đến tiến độ và chất lượng công trình. Việt Nam đang là đất nước đang phát triển, nhu cầu xây dựng cơ sở vật chất, tốc độ đô thị hóa còn nhiều, vì vậy đòi hỏi nhu cầu lớn về nhân lực và chất lượng lao động của ngành xây dựng.

Thu nhập bình quân của lao động ngành xây dựng tăng khoảng 7%-8% so với cùng kỳ năm 2024.

V. Dự báo cho kỳ tiếp theo

Dự báo trong năm 2025, ngành xây dựng tiếp tục là điểm sáng, là động lực quan trọng thúc đẩy tăng trưởng của nền kinh tế, ngành xây dựng sẽ tiếp tục có mức tăng trưởng tốt, thị trường lao động ngành xây dựng có những bước tiến mới cả về chất lượng, số lượng và thu nhập.